

Phật giáo và triết lý trong đấu tranh cách mạng

ISSN: 2734-9195

16:05 10/02/2026

Đó là sức mạnh của sự khiêm tốn và hành động vị tha. Trong một thế giới tôn vinh sự nổi bật và thành tích cá nhân, “văn hóa im lặng” là lời nhắc nhở về giá trị của những đóng góp thầm lặng, của những hành động vị tha không mong cầu danh vọng.

Tác giả: **TS Phạm Quỳnh Chinh (1)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, Phật giáo đã ăn sâu, bám rễ vào đời sống tinh thần của người Việt. Mối quan hệ này càng được thể hiện rõ nét trong các cuộc kháng chiến vệ quốc. Tuy nhiên, khi nghiên cứu về vai trò của Phật giáo trong các cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam, chúng ta thường tập trung vào những đóng góp “nhập thế” mang tính công khai, như các hoạt động cứu trợ, tuyên truyền, hoặc sự tham gia trực tiếp của các vị cao tăng vào các phong trào yêu nước. Trong khi đó, một khía cạnh khác, thầm lặng hơn nhưng không kém phần quan trọng, dường như đã bị bỏ ngỏ hoặc chưa được nhìn nhận đúng mức: đó chính là vai trò của Phật giáo làng và triết lý ứng xử mang tên “văn hóa im lặng” trong cuộc đấu tranh cách mạng.

Lịch sử **cách mạng Việt Nam** được định hình bởi sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc. Đó là sự nghiệp của toàn dân tộc, được thúc đẩy bởi những phong trào đấu tranh sôi nổi, những lời kêu gọi công khai và những hành động kiên cường và anh dũng. Thế nhưng, nếu đi sâu vào từng ngõ ngách của đời sống xã hội, đặc biệt là ở nông thôn, chúng ta sẽ thấy một nghịch lý thú vị: rất nhiều sự hỗ trợ quan trọng cho cách mạng không đến từ những không gian ồn ào, công khai mà lại đến từ những nơi tĩnh lặng, khiêm nhường - đó là *những ngôi chùa làng*.



Hình minh họa chùa làng. Nguồn: Internet

Chùa làng không chỉ là nơi thờ Phật, nơi các tín đồ đến lễ bái, mà còn là trung tâm sinh hoạt văn hóa, tinh thần của cộng đồng. Trong thời chiến, những không gian tưởng chừng như tách biệt với đời sống trần tục ấy lại trở thành những căn cứ bí mật, những trạm liên lạc, những nơi cất giấu vũ khí, nuôi giấu cán bộ cách mạng. Hàng loạt câu chuyện lịch sử đã chứng minh điều này: Từ những hầm bí mật dưới tòa Tam Bảo, những tấm vách ngăn được xây dựng để che giấu người cách mạng, cho đến những bữa cơm đạm bạc nhưng đầy nghĩa tình mà các vị sư, ni và Phật tử dâng lên những người con của cách mạng. Điều này đặt ra một câu hỏi lớn, một câu hỏi thách thức những quan niệm thông thường về cách mạng: *Tại sao Phật giáo làng - một thiết chế tôn giáo vốn thiên về nội tâm, tu hành, từ bi, hỷ xả - lại có thể trở thành một phần không thể thiếu, một hậu phương vững chắc và thầm lặng của Cách mạng Việt nam?* Liệu có phải chỉ đơn thuần là lòng yêu nước của cá nhân các vị sư, ni hay còn có một triết lý hành động sâu xa nào đó đã được hình thành và vận hành một cách tự nhiên trong lòng Phật giáo làng?

1. “Văn hóa im lặng” là một triết lý hành động của người Việt

Giả thuyết trung tâm của bài tham luận này là “Văn hóa im lặng” trong Phật giáo làng xã không phải là biểu hiện của sự thụ động, cam chịu hay buông xuôi trước hoàn cảnh. Ngược lại, nó là một *triết lý hành động đặc thù*, được định hình bởi sự dung hòa độc đáo giữa đạo lý Phật giáo và truyền thống làng xã Việt Nam. Triết lý này giúp Phật giáo làng tìm thấy một phương thức tham gia cách mạng vừa hiệu quả, vừa phù hợp với bản chất của mình. Im lặng ở đây không phải là không làm gì, mà là một phương thức hành động sâu sắc, mang tính chiến lược và giàu ý nghĩa biểu tượng. Đó là sự lựa chọn không nói, không phô

trương, không hành động một cách công khai để đạt được mục tiêu lớn hơn.

Sự im lặng ấy ẩn chứa một sức mạnh nội tại, một sự kiên định vô hình nhưng vô cùng mạnh mẽ. Nó được thể hiện rõ nét qua ba khía cạnh chính: *Im lặng trong cấu trúc không gian*: Chùa làng, với vẻ ngoài tĩnh mịch, thanh tịnh, đã trở thành không gian ẩn mình hoàn hảo, một “căn cứ im lặng” để che giấu và bảo vệ cán bộ, vũ khí. *Im lặng trong hành vi của nhà sư*: Các vị sư, ni thường không tham gia trực tiếp vào các hoạt động vũ trang. Họ im lặng lắng nghe, im lặng đồng cảm và im lặng hành động bằng cách trở thành cầu nối, người đưa tin, hay đơn giản chỉ là người cung cấp một mái ấm, một bát cơm cho người cách mạng. *Im lặng trong cách cộng đồng làng hỗ trợ*: Người dân trong làng, với niềm tin sâu sắc vào Phật giáo, đã im lặng phối hợp với nhà chùa. Họ không hô hào, không tuyên truyền, mà lặng lẽ bảo vệ, tiếp tế, trở thành “tai mắt” của cách mạng.

Thông qua việc phân tích sâu sắc các khía cạnh trên, bài viết này sẽ chứng minh rằng “văn hóa im lặng” không phải là một sự thụ động mà là một triết lý ứng xử tinh tế, đầy trí tuệ và hiệu quả. Đây là một đóng góp độc đáo của Phật giáo làng vào kho tàng triết lý cách mạng Việt Nam, cho thấy rằng, bên cạnh những hành động dũng cảm, công khai, chính sự im lặng đầy nội lực cũng đã tạo nên sức mạnh vĩ đại của dân tộc.

“Văn hóa im lặng” không phải là một khái niệm mơ hồ mà là một triết lý hành động tinh tế, được xây dựng trên nền tảng của các học thuyết xã hội học và đặc trưng văn hóa dân tộc. Khái niệm “văn hóa im lặng” mà chúng ta thảo luận có thể tìm thấy sự tương đồng mạnh mẽ trong lý thuyết về “bản ghi ẩn” (hidden transcript) của học giả nổi tiếng James C.Scott trong tác phẩm *Domination and the Arts of Resistance: Hidden Transcripts* (1990). Scott đã lật ngược quan niệm truyền thống về sự kháng cự, cho rằng nó không chỉ biểu hiện qua những cuộc nổi dậy công khai, bạo lực mà còn tồn tại dưới những hình thái tinh vi, ngấm ngầm hơn.

Theo Scott, trong mối quan hệ giữa kẻ thống trị và người bị trị, luôn tồn tại hai loại “bản ghi”: Một là, bản ghi công khai (public transcript) tức là những hành vi, ngôn từ phục tùng, tuân thủ mà kẻ bị trị trình diễn trước mặt kẻ thống trị. Đây là lớp vỏ bọc bên ngoài, được tạo ra để đảm bảo sự an toàn và tránh trừng phạt. Và hai là, bản ghi ẩn (hidden transcript) là những lời nói, hành động, và tư tưởng phản kháng được che giấu khỏi con mắt của quyền lực.

Ông cho rằng bản ghi chép ẩn (hidden transcript) là một sự phê phán quyền lực được nói ra sau lưng kẻ thống trị. Đó là một diễn ngôn thường được thể hiện qua lời lẽ uyển chuyển, ẩn dụ, truyện dân gian, bài hát, câu chuyện cười, và - quan trọng nhất đối với mục đích của chúng ta - trong chính sự im lặng và cung

kính mà kẻ thống trị xem như dấu hiệu thành công của mình. (“The hidden transcript is a critique of power spoken behind the back of the dominant. It is a discourse that is often expressed in euphemism, in allegory, in folk tales, in songs, in jokes, and, most important for our purposes, in the very silence and deference that the dominant take as a sign of their success.” (2)). Đây là không gian của sự thật, nơi người bị trị thể hiện những suy nghĩ, cảm xúc và kế hoạch thầm kín của mình.

Trong lý thuyết này, “im lặng” chính là một hình thức mạnh mẽ của bản ghi ẩn. Nó không phải là sự vắng mặt của ý chí mà là một *chiến lược có chủ đích*. Sự im lặng cho phép người bị trị tích lũy nội lực, xây dựng mạng lưới tin cậy, và chờ đợi thời cơ. Đó là một hình thức kháng cự “tàng hình” (infrapolitics), đủ sức duy trì một nền văn hóa phản kháng mà không cần phải đối đầu trực tiếp với kẻ thù.

Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh các cuộc kháng chiến của Việt Nam, khi thế lực áp bức có sức mạnh quân sự vượt trội.

Việc áp dụng lý thuyết này giúp chúng ta nhận ra rằng, sự im lặng của các ngôi chùa làng trong thời chiến không phải là sự bàng quan chính trị. Ngược lại, đó là một “nghệ thuật kháng cự” tinh vi.

Chùa làng, với không gian tĩnh mịch và sự kính trọng mà nó có được từ cộng đồng, đã trở thành một “không gian ẩn” lý tưởng, nơi các hoạt động của “bản ghi ẩn” được thực hiện một cách an toàn và hiệu quả.



Hình minh họa chùa làng. Nguồn: Internet

Lý thuyết của Scott càng trở nên thuyết phục hơn khi được soi chiếu qua lăng kính của văn hóa Việt Nam. Người Việt, đặc biệt là ở nông thôn, đã hun đúc nên một triết lý sống độc đáo, thường được mô tả bằng cụm từ “*lặng mà thâm sâu*”.

Trần Ngọc Thêm đã phân tích sâu sắc về tính cộng đồng và tính linh hoạt của người Việt. Cụ thể, ông cho rằng sự kết hợp giữa ý thức cộng đồng và tính tự trị của làng đã tạo nên khả năng tự tổ chức và bảo vệ lẫn nhau. Làng xã trở thành một “pháo đài” vững chắc, nơi các thành viên tin tưởng, che chở cho nhau, và ngôi chùa là trung tâm tinh thần của pháo đài ấy (3). Triết lý này không chỉ là một nét tính cách mà còn là một chiến lược sinh tồn đã được hình thành qua hàng ngàn năm đấu tranh với thiên nhiên khắc nghiệt và sự đô hộ của ngoại bang. *“Lặng” (sự im lặng, tĩnh tại) biểu hiện sự thận trọng, không phô trương. Đây là một cách để tránh rủi ro, không gây sự chú ý không cần thiết.*

Người Việt hiểu rằng, sự ồn ào, bộc trực có thể gây nguy hiểm cho bản thân và cộng đồng. Sự “lặng” này không đồng nghĩa với sự thiếu ý chí hay thụ động, mà là một lớp vỏ bọc bên ngoài. *“Thâm sâu” (sự sâu sắc, nội lực) biểu hiện sự kiên cường, nội tâm mạnh mẽ.* Bên dưới lớp vỏ “lặng” là một tâm hồn phong phú, một ý chí bất khuất và một lòng yêu nước bền bỉ. “Thâm sâu” còn là khả năng quan sát tinh tế, suy tính kỹ lưỡng và hành động có chiến lược, không bộc phát.

Sự hòa quyện của “lặng mà thâm sâu” tạo nên một triết lý ứng xử linh hoạt và hiệu quả. Trong bối cảnh chiến tranh, triết lý này cho phép người dân ở các làng quê Việt Nam che giấu cán bộ cách mạng trong các hầm bí mật dưới nền nhà, dưới gầm giường thờ hay thậm chí là trong các khu vườn rậm rạp. Mọi hoạt động diễn ra âm thầm, không ai nói ra, nhưng tất cả đều hiểu và cùng nhau bảo vệ bí mật. Những hành động này không được ghi chép trong sử sách một cách hoành tráng, nhưng lại là nền tảng vững chắc cho sự thành công của cuộc kháng chiến. Nó giúp họ xây dựng một hậu phương vững chắc từ những hành động thâm lặng nhất: một bát cơm cúng dường cho cán bộ, một lời cầu nguyện cho hòa bình, một ánh mắt thấu hiểu cho người chiến sĩ.

Như vậy, *“văn hóa im lặng”* trong Phật giáo làng không phải là một khái niệm cảm tính mà là một triết lý ứng xử đầy tính chiến lược. Nó là sự tổng hòa của triết lý “bản ghi ẩn” của James C. Scott và triết lý sống “lặng mà thâm sâu” của người Việt. Chính sự kết hợp này đã tạo nên một hình thức kháng cự tinh tế, một phương thức nhập thế độc đáo của Phật giáo, giúp các ngôi chùa làng trở thành hậu phương vững chắc và thâm lặng, đóng góp vào sự thành công của cách mạng Việt Nam. Nó minh chứng cho một sự thật: *sức mạnh không chỉ đến từ tiếng nói, mà còn được hun đúc từ chính sự im lặng đầy nội lực.*

2. Chùa làng - không gian của tĩnh tại và bao dung



Hình minh họa chùa làng. Nguồn: Internet

Chùa làng Việt Nam, với kiến trúc khiêm nhường ẩn mình giữa lũy tre xanh, thường mang một vẻ đẹp tĩnh mịch, thanh tịnh.”Trong tâm thức người Việt, ngôi chùa còn thể hiện triết lý nhân sinh và tinh thần khoan dung, hoà hợp trong đời sống tín ngưỡng của dân tộc.

Chùa đáp ứng nhu cầu trong đời sống thôn dã, xóa đi khoảng cách bất bình đẳng trong sinh hoạt cộng đồng ở làng quê xưa” Đây là nơi thờ Phật, nơi diễn ra các nghi lễ tâm linh, và là điểm tựa tinh thần của cộng đồng “Đạo Phật Việt Nam đã bén rễ sâu trong văn hóa làng xã từ rất sớm, thể hiện qua việc chùa làng trở thành trung tâm tâm linh và sinh hoạt văn hóa của cộng đồng.

Chùa trong làng thường được xây dựng ở nơi thanh vắng, tĩnh mịch, có thể ở góc làng, ven làng hay ở trung tâm. Nhưng dù tọa lạc ở vị trí nào nơi thôn cùng, xóm vắng thì ngôi chùa vẫn hiện diện vừa thân thiết gần gũi, vừa huyền ảo lay động cõi tâm linh, trong đời sống tinh thần của người làng quê. Do vậy, cùng với đình, chùa cũng là biểu tượng của văn hoá làng, cội nguồn của văn hoá dân tộc. (..) Chùa chẳng những là nơi sinh hoạt tâm linh, tín ngưỡng, mà còn là nơi gửi gắm niềm tin, ước vọng của dân làng trong cuộc sống. Phật giáo với chủ trương từ bi và trí tuệ, hướng con người ta hướng tới chân, thiện, mỹ, đó đó ngôi chùa là chỗ dựa tâm linh, tinh thần văn hóa của người dân” (4). Chùa không chỉ là “nơi thờ cúng mà còn là nơi gắn kết các thành viên trong làng, nơi diễn ra các lễ hội, sinh hoạt cộng đồng, tạo nên sự dung hợp đặc trưng của Phật giáo Việt

Nam với tín ngưỡng dân gian” (5) . Điều đặc biệt là, trong suốt các cuộc kháng chiến, chính sự tĩnh tại và vẻ ngoài “phi chính trị”, “phi ồn ào” này đã biến chùa làng thành một *không gian bao dung và trú ẩn an toàn tuyệt đối cho cách mạng* , một biểu hiện rõ nét của “văn hóa im lặng”.

Về mặt vật lý, chùa làng thường nằm ở vị trí khuất trong làng, được bao bọc bởi cây cối, ao hồ, tạo nên một không gian biệt lập với thế giới bên ngoài. Cấu trúc kiến trúc của chùa với nhiều gian, hành lang, sân vườn, và đặc biệt là các khu vực phụ trợ như nhà khách, nhà bếp, hay thậm chí là các am thờ nhỏ sau vườn. “Chùa làng là một thực thể sống động, là biểu tượng của sự hòa hợp giữa tín ngưỡng Phật giáo với tín ngưỡng dân gian.

Chùa không chỉ là nơi nương tựa tâm linh của người dân lúc khó khăn mà còn là nơi lưu giữ những giá trị văn hóa truyền thống, nơi tiếng chuông chùa ngân nga đã đi vào tâm thức của bao thế hệ người Việt” (6) đã cung cấp những nơi ẩn náu lý tưởng cho cán bộ trong cách mạng.

Sự yên tĩnh thường nhật của chùa, chỉ bị phá vỡ bởi tiếng mõ, tiếng chuông hay lời kinh kệ, đã tạo nên một lớp vỏ bọc hoàn hảo, khiến kẻ thù khó lòng nghi ngờ đây là một trung tâm hoạt động cách mạng. Sự tĩnh lặng này không chỉ là trạng thái tự nhiên mà còn là một chiến lược ngụy trang hiệu quả. Kẻ địch, với tư duy quân sự và chính trị, thường tìm kiếm những nơi ồn ào, tập trung đông người để phát hiện hoạt động cách mạng.

Chùa làng, với vẻ ngoài "phi chính trị" và "phi ồn ào", dễ dàng bị đánh giá thấp hoặc bỏ qua trong các cuộc càn quét, kiểm soát. Đây chính là biểu hiện của "bản ghi công khai" mà James C.Scott đã đề cập đến, bề ngoài tuân thủ, không gây chú ý, nhưng bên trong lại ẩn chứa những hoạt động của "bản ghi ẩn" - hoạt động.



Hình minh họa chùa làng. Nguồn: Internet

Sâu xa hơn, sự tĩnh lặng của chùa làng không chỉ là trạng thái vật lý mà còn là biểu hiện của một *thế giới quan từ bi và nhẫn nhục* của **Phật giáo**. Triết lý từ bi dạy rằng mọi chúng sinh đều đáng được cứu giúp khỏi khổ đau. Trong bối cảnh chiến tranh, lòng từ bi này được mở rộng, bao trùm cả những người chiến sĩ cách mạng đang phải đối mặt với hiểm nguy.

Các vị sư, ni và Phật tử đã hành động theo tinh thần “cứu một mạng người hơn xây bảy tòa tháp”, coi việc che chở cán bộ là một biểu hiện của Bồ Tát đạo. Sự nhẫn nhục là một phẩm chất quan trọng của con người. Nó không phải là sự cam chịu thụ động mà là khả năng chịu đựng khó khăn, kiên trì giữ vững mục tiêu mà không bộc lộ cảm xúc hay hành động vội vàng.

Trong môi trường chiến tranh đầy rủi ro, sự nhẫn nhục của những người trong chùa đã giúp họ duy trì được sự bình tĩnh, kín đáo, và bảo mật thông tin tuyệt đối. Họ hiểu rằng một lời nói lỡ lời, một hành động thiếu suy nghĩ có thể gây nguy hiểm cho cả một mạng lưới. Chính sự nhẫn nhục này đã tạo nên một “bầu không khí im lặng” bao trùm lên mọi hoạt động bí mật trong chùa. Thực tế, chùa Trăm Gian (Chùa Quảng Nghiêm, Hà Nội) nằm ở huyện Chương Mỹ, Hà Nội. Chùa Trăm Gian là một di tích lịch sử nổi tiếng. Trong kháng chiến chống Pháp, chùa này đã trở thành một cơ sở cách mạng quan trọng.

Theo “Lịch sử Đảng bộ huyện Chương Mỹ (1930-2000)” (Nxb. Chính trị Quốc gia, 2002), chùa Trăm Gian từng là nơi nuôi giấu cán bộ, cất giấu vũ khí, và là địa điểm liên lạc bí mật của các chiến sĩ cách mạng. Tính “phi chính trị” và vẻ ngoài cổ kính, linh thiêng của chùa đã giúp nó tránh được sự kiểm soát gắt gao của địch, tạo điều kiện cho các hoạt động cách mạng diễn ra an toàn. Chùa

Đống Cao (Thanh Hóa) tọa lạc tại huyện Nga Sơn, Thanh Hóa, Chùa Đống Cao cũng là một trong những cơ sở cách mạng tiêu biểu.

Trong cuốn “Lịch sử kháng chiến chống Pháp tỉnh Thanh Hóa” (Nxb. Chính trị Quốc gia, 2001), có ghi nhận rằng chùa Đống Cao đã từng là nơi tập kết, huấn luyện cán bộ, và là trạm trung chuyển thông tin quan trọng của khu vực. Sự yên bình của chùa, cùng với sự che chở của các vị sư và Phật tử địa phương, đã giúp nhiều cán bộ thoát khỏi vòng vây của địch. Chùa Cảnh Phúc (Nam Định) thuộc huyện Ý Yên, Nam Định, Chùa Cảnh Phúc cũng là một minh chứng sống động cho vai trò của chùa làng trong kháng chiến.

Theo các tài liệu lịch sử địa phương và các nghiên cứu về Phật giáo vùng đồng bằng Bắc Bộ, chùa Cảnh Phúc đã từng là nơi nuôi giấu, bảo vệ cán bộ cách mạng, đặc biệt là trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp. Sự kín đáo của ngôi chùa và lòng yêu nước của người dân nơi đây đã tạo nên một “bức tường im lặng” vững chắc, bảo vệ an toàn cho các hoạt động bí mật.

Thực tiễn cho thấy, không gian chùa làng không chỉ là nơi thờ cúng mà còn là một *“không gian chiến lược của sự im lặng”*. Chính sự tĩnh tại, vẻ ngoài ít gây chú ý, cùng với lòng từ bi và trí tuệ của những người tu hành, đã biến ngôi chùa thành một pháo đài vững chắc nhưng vô hình, góp phần quan trọng vào sự thành công của cuộc đấu tranh.

Có thể thấy, chùa làng đã trở thành nơi lý tưởng để *che giấu cán bộ cách mạng*. Nhiều hầm bí mật đã được đào dưới nền chùa, trong vườn chùa, hay thậm chí là trong các ban thờ. Các cán bộ nằm vùng, cán bộ hoạt động bí mật đã được nuôi giấu, bảo vệ an toàn trong thời gian dài. Ngoài ra, chùa làng *làm nơi liên lạc, tổ chức hội họp*. Sự tĩnh lặng và vẻ ngoài ít bị chú ý của chùa giúp các cán bộ có thể gặp gỡ, trao đổi thông tin, và tổ chức các cuộc họp quan trọng mà không bị phát hiện. Các tín hiệu liên lạc thường rất tinh vi, chỉ những người trong cuộc mới hiểu. Ngoài ra, chùa làng là *nơi cất giấu vũ khí, tài liệu*. Nhiều chùa đã trở thành kho chứa vũ khí, đạn dược, tài liệu cách mạng.

Những vật phẩm này được cất giấu khéo léo, thường là dưới lòng đất hoặc trong các hốc tường bí mật, được bảo vệ bởi sự im lặng và lòng trung thành của những người trong chùa.

Điển hình là *Chùa Thọ Vực*, đây không chỉ là nơi lan toả Phật pháp mà còn là một cơ sở in ấn, phát hành nhiều tài liệu, văn bản quan trọng việc tuyên truyền đường lối cách mạng những năm kháng chiến chống thực dân Pháp.

Ngay sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, dưới sự chỉ đạo của tổ chức Đảng và chính quyền cách mạng tỉnh Nam Định. **Chùa Thọ Vực** được lựa chọn làm nơi đặt trụ sở biên tập cho nhà in Tiến Lên - một trong những cơ sở in ấn tài liệu quan trọng phục vụ cho các lực lượng vũ trang chống lại thực dân Pháp của 6 tỉnh đồng bằng sông Hồng. Nhà in hoạt động dưới sự điều hành trực tiếp của Đại đức Thích Thanh Long (thế danh Đỗ Hữu Song). Đại đức Thích Thanh Long trụ trì chùa Thọ Vực, vốn là cháu ruột và đệ tử của Tổ Thích Thận Ngôn - Tâm Tín, trụ trì nhiều ngôi chùa lớn tại Nam Định và Thái Bình, và dưới sự lãnh đạo của đồng chí Nguyễn Thanh Đề (tức Đại đức Thích Thuận Đức - vị sau này giữ chức Phó Chủ tịch Trung ương Giáo Hội Phật giáo Việt Nam) (7). Hầu hết các ngôi chùa ở miền Bắc đều trở thành cơ sở cách mạng, nơi dự trữ quân lương, nuôi giấu cán bộ. Phong trào ủng hộ, tham gia kháng chiến lan rộng khắp các cơ sở Phật giáo ở các tỉnh, thành phố: ở Hà Nội có chùa Quảng Bá, Linh Quang, Ngọc Hối, Tự Khánh, Thanh Trì, Sùng Giáo, Diên Phúc; Hải Phòng có chùa Trại Sơn, Trúc Động, Vũ Lao; Nam Định có chùa Ninh Cường, Cổ Lễ, Vọng Cung; Ninh Bình có chùa Hoa Sơn, Bích Động... Trụ trì chùa Vọng Phúc - Hải Phòng là Sư tổ Tự Tâm Cẩn cũng đã động viên tăng ni, Phật tử hưởng ứng lời kêu gọi “Toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sư tổ đã răn dạy các đệ tử của mình rằng: “Nước còn thì đạo còn, nay nước lâm nguy thì đạo cũng lâm nguy, phải giữ lấy nước thì mới giữ được đạo” (8). Vì vậy, “Rất nhiều chùa sau ngày kháng chiến đã được chính quyền mới công nhận là cơ sở nuôi dưỡng người cách mạng, là cơ sở bí mật của cách mạng” (9). Sự “im lặng” không chỉ thể hiện ở không gian chùa làng, mà còn thể hiện ở vai trò của con người và ý nghĩa đạo đức của “văn hóa im lặng”, qua đó hoàn thiện bức tranh về triết lý ứng xử độc đáo này trong cách mạng Việt Nam.

Hơn cả một chiến lược, “văn hóa im lặng” của Phật giáo làng còn mang một ý nghĩa đạo đức sâu sắc. Nó là biểu hiện của một nền đạo đức phi công khai nhưng bền vững, có khả năng bảo toàn con người và các giá trị nhân văn trong bối cảnh chiến tranh nhiều nhượng. Và “văn hóa im lặng” cũng là một dạng đạo đức tập thể âm thầm. Cả nhà sư và cộng đồng làng đều hiểu rằng việc giữ kín bí mật là điều tối quan trọng. Tuy nhiên, sự giữ kín này không phải là sự đồng lõa với cái ác, mà là một sự phản kháng ngầm đối với thế lực áp bức. Nó là một cách để bảo vệ lẽ phải, bảo vệ những giá trị của tự do và độc lập.

3. Nhà sư làng - Người “làm cách mạng trong im lặng”

Nếu chùa làng là không gian của sự im lặng, thì nhà sư chính là người kiến tạo và duy trì sự im lặng ấy. Khác với các vị cao tăng hoạt động chính trị công khai,

phần lớn các nhà sư ở chùa làng không trực tiếp tham gia vào các hoạt động vũ trang hay các diễn đàn chính trị. Tuy nhiên, họ lại “làm cách mạng trong im lặng” bằng uy tín đạo đức và niềm tin tâm linh mà họ có được từ cộng đồng. Đây là hành động vì tha nhân. Xuất phát từ tinh thần từ bi vị tha của Phật giáo, im lặng không phải để bảo vệ bản thân mà là để bảo vệ người khác - bảo vệ những cán bộ cách mạng, bảo vệ những giá trị mà họ đang đấu tranh. Hành động này là sự biểu hiện cao nhất của lòng từ bi vô ngã, bởi người làm không mong cầu được ghi nhận, không tìm kiếm danh vọng. Họ hành động vì sự an toàn của người khác, vì tương lai của dân tộc.



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Các nhà sư làng thường là những người có uy tín cao trong cộng đồng. Họ là biểu tượng của sự thanh tịnh, từ bi và trí tuệ, được người dân kính trọng và tin tưởng tuyệt đối. Chính uy tín này đã cho phép các nhà sư trở thành cầu nối giữa cách mạng và quần chúng một cách tự nhiên. Khi một vị sư âm thầm che chở cán bộ, người dân sẽ tin tưởng và làm theo mà không cần phải có lời kêu gọi công khai. Lòng tin tôn giáo đã chuyển hóa thành lòng tin cách mạng một cách bền chặt. Đồng thời, các nhà sư cũng là *người giữ lửa tinh thần và lan truyền lý tưởng*.

Trong bối cảnh chiến tranh ác liệt, tinh thần đấu tranh của quần chúng đôi khi có thể bị lung lay. Các nhà sư trong làng xã, thông qua những lời giảng đạo từ bi, những câu chuyện đạo lý về lẽ phải và sự công bằng, đã khéo léo lồng ghép và lan truyền tinh thần yêu nước, lý tưởng độc lập. Họ giúp người dân giữ vững niềm tin vào một tương lai hòa bình, một lẽ phải tất thắng, qua đó củng cố ý chí chiến đấu. Sự lan truyền này diễn ra một cách thầm lặng, không ồn ào, nhưng

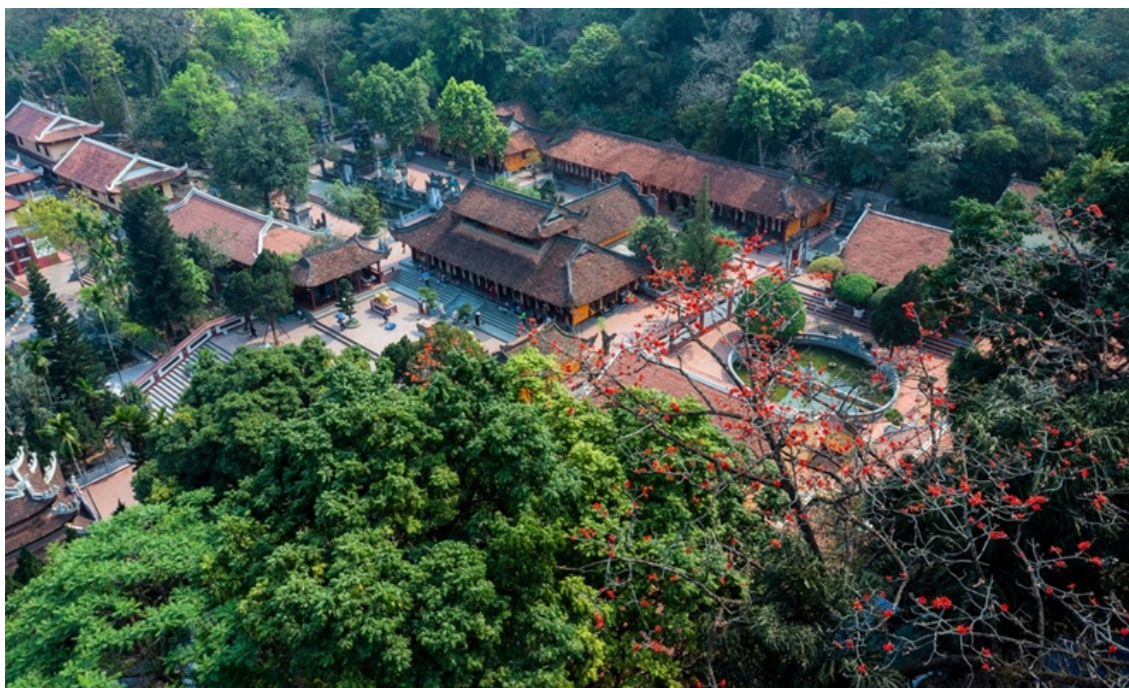
lại ăn sâu vào tiềm thức của mỗi người dân. Thậm chí, nhiều nhà sư đã trở thành *người bảo trợ cho các hoạt động kháng chiến bằng chính sức ảnh hưởng của mình*. Họ sử dụng chùa làm nơi hội họp bí mật, làm trạm trung chuyển thư từ, thậm chí còn trực tiếp đi vận động, quyên góp lương thực, thuốc men từ dân làng để tiếp tế cho bộ đội. “Số đông giới Phật giáo tham gia một cách gián tiếp nhưng hiệu quả thì có thể nói không phải nhỏ. Từ bất hợp tác với kẻ ngoại xâm và những người theo đuôi, cho đến nuôi dưỡng người kháng chiến trong cơ sở trụ trì của mình; hoặc dù đang sống trong vùng tạm chiếm, phải hợp tác từng mặt với kẻ ngoại xâm, thậm chí là người của chính quyền do thực dân lập ra (trường hợp các cư sĩ), thậm chí là không đồng ý với chủ thuyết cộng sản, nhưng những hoạt động tôn giáo và nuôi dưỡng tình cảm và tâm hồn dân tộc vẫn là một sự đóng góp lớn lao vào công cuộc kháng chiến, chỉ có điều đó là sự đóng góp không tiếng súng” (10). “Lần giở lại cuộc đấu tranh chống Mỹ, không ít những nhà sư đóng góp cho phong trào dân tộc (một trong những người tiêu biểu là hoà thượng Thích Đôn Hậu) dưới danh nghĩa lực lượng thứ ba, lực lượng dân tộc và dân chủ miền Nam Việt Nam” Vì thế, “nhiều sự đóng góp của Phật giáo trong xã hội miền Nam trước năm 1975, với điều kiện không quên nó cũng là nhân tố quan trọng trong cuộc đấu tranh chung của nhân dân miền Nam chống ngoại bang và chế độ thân ngoại bang, góp phần vào công cuộc thống nhất Tổ quốc sau hơn 30 năm chia cắt” (11). Bên cạnh nhiệm vụ tham gia kháng chiến để bảo vệ Tổ quốc, Phật giáo Việt Nam cũng không quên lời dạy của Đức bốn sư: “Duy tuệ thị nghiệp” (lấy trí tuệ làm sự nghiệp) và thực hiện lời dạy của Bác Hồ, đó là muốn kiến thiết đất nước thì phải diệt được 3 loại giặc: “Giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm”. Ở giai đoạn này, các vị sư đóng vai trò là những nhà giáo, mái già lam trở thành các trường học dạy chữ cho bà con; bên cạnh đó Tăng Ni, Phật tử còn tích cực tăng gia sản xuất, ủng hộ cho kháng chiến. Toàn bộ những hành động này đều được thực hiện trong im lặng, không phô trương, phù hợp với triết lý “bản ghi ẩn” của Scott.

Tóm lại, “văn hóa im lặng” là một triết lý ứng xử toàn diện, được thể hiện qua không gian chùa, được kiến tạo bởi các nhà sư và cộng đồng Phật tử, và mang một ý nghĩa đạo đức sâu sắc. đó không chỉ là một chiến lược, mà còn là một biểu hiện của lòng từ bi, trí tuệ và sự kiên cường của người Việt trong suốt chiều dài lịch sử đấu tranh cách mạng. Đây không chỉ là một chiến lược ứng phó tạm thời mà còn là biểu hiện của một chiến lược tồn tại kép (dual-strategy for existence), giúp Phật giáo làng duy trì được bản sắc của mình trong bối cảnh lịch sử đầy biến động. Chiến lược này thể hiện sự khéo léo chuyển hóa vai trò của chùa làng: từ một không gian tu hành tách biệt sang một trung tâm cộng đồng tích cực, và từ một nơi riêng tư thành một điểm kết nối mật thiết với đời sống cách mạng. Có thể nói, chiến lược tồn tại kép của Phật giáo làng không chỉ

là sự bảo toàn về mặt vật chất mà còn là sự chuyển hóa về mặt chức năng. *Từ nơi riêng tư trở thành nơi kết nối với đời sống cách mạng.* Vốn là không gian riêng tư, dành cho tu tập và chiêm nghiệm, chùa làng đã biến mình thành một mắt xích quan trọng trong mạng lưới cách mạng. Nó trở thành nơi giao tiếp bí mật, điểm hẹn của các chiến sĩ, và là kho tàng cất giấu những bí mật cách mạng. Sự chuyển hóa này diễn ra một cách tự nhiên, không ồn ào nhưng lại vô cùng hiệu quả, biến một không gian tĩnh lặng thành một trung tâm hành động. *Từ chỉ lo tu hành trở thành trung tâm cộng đồng.* Vai trò của nhà sư làng cũng thay đổi. Ngoài việc lo tu hành, các vị sư còn trở thành những người “thức tỉnh” tinh thần yêu nước, những người “truyền lửa” cho quần chúng. Họ là những người đầu tiên nhận ra và bảo vệ các cán bộ cách mạng, từ đó tạo nên một phong trào ủng hộ cách mạng rộng khắp trong cộng đồng. Chùa không còn là nơi chỉ dành cho người già đi lễ, mà là trung tâm tập hợp của mọi tầng lớp, từ người già đến thanh niên, phụ nữ

4. Ý nghĩa sâu sắc của sự thích nghi mềm dẻo và triết lý im lặng

Chiến lược tồn tại kép này của Phật giáo làng là một minh chứng sống động cho tính linh hoạt và bền bỉ của văn hóa Việt Nam. Nó cho thấy rằng, để tồn tại và phát triển trong những hoàn cảnh khó khăn, sự đối đầu trực diện không phải là con đường duy nhất. Thay vào đó, “văn hóa im lặng” đã trở thành một triết lý ứng xử khôn ngoan, giúp Phật giáo làng thích nghi mà không đánh mất bản sắc của mình. Sự thích nghi này không phải là sự thỏa hiệp hay đầu hàng, mà là một sự chuyển hóa tinh tế, biến những điểm yếu (tính tĩnh lặng, ít ồn ào) thành những điểm mạnh (sự an toàn, kín đáo) trong cuộc đấu tranh cách mạng. Điều này cũng giải thích tại sao sau này, Nhà nước Việt Nam đã có một chính sách tôn giáo tương đối cởi mở với Phật giáo, bởi họ đã nhìn thấy những đóng góp không thể phủ nhận của tôn giáo này trong suốt quá trình đấu tranh giành độc lập và xây dựng đất nước. “Văn hóa im lặng” vì thế không chỉ là một phần của lịch sử, mà còn là một bài học về sự khéo léo, trí tuệ và sự kiên cường của dân tộc Việt Nam.



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Từ những phân tích về cơ sở lý luận và luận chứng thực tiễn về không gian, con người, và hành động của Phật giáo làng trong các cuộc kháng chiến, chúng ta có thể đi đến một nhận định sâu sắc hơn rằng sự im lặng của Phật giáo làng không phải là sự rút lui thụ động khỏi đời sống chính trị, mà là một triết lý ứng xử mang tính chiến lược, đạo đức và văn hóa sâu sắc. Đây là một đóng góp triết lý độc đáo vào kho tàng tư tưởng cách mạng Việt Nam, vượt ra ngoài khuôn khổ của những hành động công khai để chạm đến bản chất của sự kháng cự và tồn tại.

Trong bối cảnh **chiến tranh** loạn lạc, khi các giá trị đạo đức truyền thống có nguy cơ bị xói mòn bởi bạo lực và sự nghi kỵ, “văn hóa im lặng” của Phật giáo làng đã trở thành một pháo đài bảo vệ đạo đức cá nhân. Sự im lặng ở đây không phải là vô cảm, mà là một sự tĩnh tại nội tâm, một khả năng duy trì sự thanh khiết của tâm hồn giữa vòng xoáy của hỗn loạn. Các nhà sư và Phật tử, bằng cách lựa chọn im lặng trong hành động công khai, đã giữ gìn được phẩm hạnh của người tu hành và niềm tin của người dân. Sự im lặng này cho phép họ tập trung vào việc thực hành lòng từ bi và trí tuệ một cách chân thành, không bị chi phối bởi những toan tính chính trị hay sự phô trương. Họ không cần phải lên tiếng hô hào, không cần phải biểu lộ sự ủng hộ một cách ồn ào, nhưng chính những hành động thầm lặng như che chở cán bộ, tiếp tế lương thực, hay chỉ đơn giản là duy trì không gian an yên của chùa, đã thể hiện một cam kết đạo đức kiên định. Đây là một dạng đạo đức hành động (ethics of action) được thể hiện qua sự vắng mặt của lời nói và sự hiện diện của hành vi vị tha. Đó là chính là sự gìn giữ đạo đức cá nhân trong hỗn loạn, lấy sự tĩnh tại nội tâm làm nền tảng.

“Văn hóa im lặng” không chỉ là một lựa chọn đạo đức cá nhân mà còn là một chiến lược tập thể nhằm bảo vệ cộng đồng trước quyền lực đàn áp. Như đã phân tích ở phần Cơ sở lý luận, khái niệm “bản ghi ẩn” của James C. Scott đã cung cấp một khung phân tích mạnh mẽ cho hiện tượng này. Khi đối mặt với một thể lực thống trị có sức mạnh vượt trội, sự đối đầu trực diện thường dẫn đến thất bại và sự trừng phạt tàn khốc. Trong bối cảnh đó, sự im lặng trở thành một lá chắn vô hình, một phương tiện để duy trì sự sống còn và bảo toàn lực lượng. Chùa làng, với vẻ ngoài tĩnh mịch và sự “phi chính trị”, đã trở thành một không gian an toàn cho “bản ghi ẩn” phát triển. Cộng đồng làng, dưới sự dẫn dắt thâm lặng của nhà sư, đã hình thành một mạng lưới bảo vệ phi chính thức. Họ im lặng che giấu, im lặng tiếp tế, im lặng truyền tin, và im lặng bảo vệ lẫn nhau. Sự im lặng này không phải là sự sợ hãi mà là sự khôn ngoan chiến lược, giúp họ tránh được sự chú ý của kẻ thù, đồng thời duy trì được sự đoàn kết nội bộ. Đây là một biểu hiện của trí tuệ ứng phó (adaptive intelligence) của một dân tộc đã trải qua nhiều thăng trầm lịch sử. Đó chính là chiến lược của sự thích ứng khôn ngoan.

Nhưng có lẽ, đóng góp lớn nhất của “văn hóa im lặng” chính là việc nó cho phép Phật giáo làng tham gia vào cuộc kháng chiến theo một cách riêng biệt, không cần phô trương nhưng lại vô cùng hiệu quả. Sự im lặng này không làm giảm đi giá trị của đóng góp, mà ngược lại, còn làm tăng thêm tính chiến lược và ý nghĩa của nó. Việc chùa làng trở thành nơi trú ẩn, liên lạc, và cất giấu bí mật đã trực tiếp góp phần bảo toàn lực lượng cán bộ cách mạng, giúp họ duy trì hoạt động trong lòng địch. Những đóng góp này, dù không được công bố rộng rãi hay ghi chép chi tiết như các trận đánh lớn, nhưng lại là nền tảng vững chắc cho sự phát triển của phong trào. Chính sự im lặng đã tạo ra yếu tố bất ngờ và an toàn, là điều kiện tiên quyết cho sự thành công của các hoạt động bí mật. Sự im lặng của Phật giáo làng còn mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc. Nó cho thấy rằng, lòng yêu nước và ý chí đấu tranh có thể biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, không nhất thiết phải là những hành động ồn ào, bạo lực. Nó khẳng định một chân lý: sức mạnh thực sự có thể nằm trong sự khiêm tốn, trong những hành động thâm lặng nhưng kiên định. Đây là một bài học về sự đa dạng của các hình thức kháng cự và về khả năng của một thiết chế tôn giáo trong việc đóng góp vào sự nghiệp chung của dân tộc mà không đánh mất bản chất của mình. Nhiều tài liệu lịch sử cách mạng Việt Nam, đặc biệt là các hồi ký của cán bộ hoạt động bí mật, đã ghi nhận sự giúp đỡ thâm lặng nhưng vô cùng quý giá của các chùa làng và tăng ni Phật tử. Mặc dù không có những con số thống kê cụ thể, nhưng sự tồn tại của những câu chuyện này trong ký ức tập thể của nhân dân đã là minh chứng hùng hồn nhất. Trong triết học phương Đông, đặc biệt là Đạo giáo, khái niệm “vô vi” (non-action) không có nghĩa là không làm gì,

mà là hành động một cách tự nhiên, không cưỡng cầu, không phô trương. “Văn hóa im lặng” của Phật giáo làng có thể được xem là một biểu hiện của tinh thần “vô vi” này trong bối cảnh chính trị, nơi sự không phô trương lại mang lại hiệu quả tối đa.

Nhìn lại lịch sử, “**văn hóa im lặng**” của Phật giáo làng không chỉ là một hiện tượng của quá khứ mà còn gợi mở những giá trị sâu sắc cho hiện tại. Nó nhắc nhở chúng ta về sức mạnh tiềm ẩn của những điều không được nói ra, về tầm quan trọng của sự kín đáo và khôn ngoan trong ứng xử. Trong một thế giới ngày càng ồn ào và phô trương, nơi mọi thứ đều có xu hướng được công khai hóa, “văn hóa im lặng” là một lời nhắc nhở về giá trị của sự chiêm nghiệm, thận trọng và hành động có chiều sâu. Nó cho thấy rằng, đôi khi, sự im lặng lại là tiếng nói mạnh mẽ nhất, là chiến lược hiệu quả nhất để bảo vệ những giá trị cốt lõi và đạt được những mục tiêu lớn lao, không chỉ trong đấu tranh chính trị mà còn trong mọi khía cạnh của đời sống xã hội. Đây là một bài học về sự kiên cường, trí tuệ và lòng vị tha, được hun đúc từ sự giao thoa giữa đạo lý Phật giáo và bản sắc văn hóa Việt Nam.

Kết luận

Bài tham luận này đã nỗ lực giải mã một khía cạnh độc đáo và sâu sắc trong lịch sử cách mạng Việt Nam về vai trò của Phật giáo làng thông qua “văn hóa im lặng”. Chúng ta đã thấy rằng, điều tưởng chừng là nghịch lý - sự tĩnh lặng của chùa chiền lại là hậu phương vững chắc cho một cuộc đấu tranh sôi nổi - thực chất lại là biểu hiện của một triết lý ứng xử tinh vi, được định hình bởi sự hòa quyện giữa giáo lý Phật giáo nhập thế và truyền thống làng xã Việt Nam.

“Văn hóa im lặng” không phải là sự thụ động hay buông xuôi. Ngược lại, đó là một triết lý hành động đặc thù, một hình thức của “bản ghi ẩn” như James C. Scott đã phân tích, cho phép những người bị áp bức thực hiện sự kháng cự một cách kín đáo nhưng hiệu quả. Chùa làng, với không gian của sự tĩnh tại và bao dung, đã trở thành những căn cứ bí mật, nơi ẩn náu an toàn cho cán bộ cách mạng. Các nhà sư, với uy tín đạo đức và niềm tin tâm linh, đã trở thành những người “làm cách mạng trong im lặng”, giữ lửa tinh thần và bảo trợ cho các hoạt động kháng chiến. Hơn nữa, sự im lặng còn là một “hành động đạo đức” vì tha nhân, bảo vệ con người và các giá trị nhân văn trong bối cảnh chính trị nhiễu loạn. Điểm mấu chốt là chiến lược tồn tại kép của Phật giáo làng. Bằng cách khéo léo chuyển hóa vai trò từ nơi chỉ chuyên lo tu hành sang trung tâm cộng đồng, và từ không gian riêng tư thành điểm kết nối với đời sống cách mạng, Phật giáo làng đã vượt qua được những thử thách khắc nghiệt như Cải cách ruộng đất hay các phong trào chống “mê tín”. Đây là minh chứng hùng hồn cho

sự thích nghi mềm dẻo, khả năng bảo toàn bản sắc mà không đánh mất vai trò lịch sử của mình. Chính sự im lặng đã trở thành một phương tiện hữu hiệu, giúp Phật giáo làng không chỉ tồn tại mà còn đóng góp một cách sâu sắc vào sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Sự học hỏi từ “văn hóa im lặng” của Phật giáo làng không chỉ giới hạn trong nghiên cứu lịch sử mà còn mang những ý nghĩa gợi mở sâu sắc cho bối cảnh xã hội hiện đại. Trong một thế giới ngày càng ồn ào, phức tạp và đầy rẫy thông tin, triết lý này cung cấp một góc nhìn mới về sức mạnh của những giá trị phi ngôn ngữ. *Đó là giá trị của sự lắng nghe và chiêm nghiệm.* Trong kỷ nguyên của sự bùng nổ thông tin và giao tiếp không ngừng, “văn hóa im lặng” nhắc nhở chúng ta về tầm quan trọng của việc lắng nghe sâu sắc - lắng nghe bản thân, lắng nghe cộng đồng và lắng nghe những điều không được nói ra. Sự im lặng nội tâm có thể là không gian để chiêm nghiệm, phản tư, từ đó đưa ra những quyết định sáng suốt hơn, tránh những phản ứng bộc phát và thiếu cân nhắc. Đây là một bài học về trí tuệ tĩnh tại trong việc giải quyết các vấn đề xã hội phức tạp. *Đó là chiến lược ứng xử trong bối cảnh đa chiều.* Xã hội hiện đại đầy rẫy những xung đột ý thức hệ, những cuộc tranh luận công khai. “Văn hóa im lặng” gợi ý rằng không phải lúc nào đối đầu trực diện cũng là phương án tối ưu. Đôi khi, sự khôn ngoan chiến lược nằm ở việc lùi lại, quan sát, tích lũy nội lực, và tìm kiếm những phương cách đóng góp thầm lặng nhưng bền bỉ. Nó khuyến khích sự linh hoạt, uyển chuyển trong hành động để bảo vệ các giá trị cốt lõi và xây dựng đồng thuận mà không cần phải phô trương. *Đó là sức mạnh của sự khiêm tốn và hành động vị tha.* Trong một thế giới tôn vinh sự nổi bật và thành tích cá nhân, “văn hóa im lặng” là lời nhắc nhở về giá trị của những đóng góp thầm lặng, của những hành động vị tha không mong cầu danh vọng. Những giá trị đạo đức được thực hành trong im lặng, vì lợi ích chung của cộng đồng, thường có sức lan tỏa bền vững và ý nghĩa nhân văn sâu sắc hơn bất kỳ sự phô trương nào. Nó tái khẳng định rằng, sức mạnh thực sự có thể nằm trong sự khiêm tốn, trong những hành động vô ngôn nhưng đầy lòng từ bi và trách nhiệm.

Tóm lại, “văn hóa im lặng” của Phật giáo làng không chỉ là một trang sử hào hùng của dân tộc Việt Nam mà còn là một triết lý sống và hành động có giá trị vượt thời gian. Nó không chỉ là sự im lặng của sự cam chịu, mà là sự im lặng của lòng dũng cảm, trí tuệ và tình yêu thương, một sức mạnh vô ngôn đã góp phần làm nên vóc dáng của một dân tộc kiên cường.

Tác giả: **TS Phạm Quỳnh Chinh**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Chú thích:

- 1) Khoa Triết học, Đại học KHXH&NV, ĐHQGHN.
 - 2) Scott, J. C. (1990). *Domination and the arts of resistance: Hidden transcripts*, New Haven, CT: Yale University Press, tr.4.
 - 3) Trần Ngọc Thêm, *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2001
 - 4) <https://vovworld.vn/vi-VN/chuyen-cua-lang/chua-va-van-hoa-lang-516262.vov>.
- 26 Tháng Hai 2017
- 5) Nguyễn Lang, 2008, *Việt Nam Phật Giáo sử luận*, Nhà xuất bản Văn học, tập I, tr.65-66
 - 6) Trần Lâm Biền, 1996, *Chùa Việt*, Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin, tr.89-91.
 - 7) <https://baoquocte.vn/dai-duc-thich-thanh-long-nguoi-chien-si-tham-lang-tren-mat-tran-tuyen-truyen-cach-mang-318303.html>.
 - 8) <https://khuongviet.com.vn/van-hoa/nhung-nha-su-xa-than-vi-nen-doc-lap-dan-toc-va-hanh-phuc-cua-nhan-dan-1945-1975-23546/51/>
 - 9) Nguyễn Quốc Tuấn, 2012, Đặc điểm và vai trò của Phật giáo Việt Nam thế kỷ 20, NXB Từ điển Bách Khoa, tr.254
 - 10) Nguyễn Quốc Tuấn, 2012, Đặc điểm và vai trò của Phật giáo Việt Nam thế kỷ 20, NXB Từ điển Bách Khoa, tr. 253.
 - 11) Nguyễn Quốc Tuấn, 2012, Đặc điểm và vai trò của Phật giáo Việt Nam thế kỷ 20, NXB Từ điển Bách Khoa, tr.262.

Tài liệu tham khảo:

- 1] Trần Lâm Biền, 1996, *Chùa Việt*, Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin,
- 2] Nguyễn Lang, 2008, *Việt Nam Phật Giáo sử luận*, Nhà xuất bản Văn học.
- 3] Nguyễn Quốc Tuấn, 2012, Đặc điểm và vai trò của Phật giáo Việt Nam thế kỷ 20, NXB Từ điển Bách Khoa, tr.254
- 4] Trần Ngọc Thêm, 2001, *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.

5] Scott, J. C. (1990). *Domination and the arts of resistance: Hidden transcripts*, New Haven, CT: Yale University Press, tr.4.

6] <https://vovworld.vn/vi-VN/chuyen-cua-lang/chua-va-van-hoa-lang-516262.vov>.

7] <https://baoquoc.vn/dai-duc-thich-thanh-long-nguoi-chien-si-tham-lang-tren-mat-tran-tuyen-truyen-cach-mang-318303.html>.

8] <https://khuongviet.com.vn/van-hoa/nhung-nha-su-xa-than-vi-nen-doc-lap-dan-toc-va-hanh-phuc-cua-nhan-dan-1945-1975-23546/51/>.